

Số: 3565./2026/BC-VAB
No: 3565./2026/BC-VAB

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026
Ha Noi, 30/07/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF THE BANK FOR THE
FIRST HALF OF 2026

Kính gửi/

Respectfully submitted to:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên công ty/Company Name: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á/**
VIETNAM ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

- Địa chỉ trụ sở chính/Head Office Address: Tầng 4 - 5 Tòa nhà Samsora, 105 Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội./4th - 5th Floor, Samsora Building, 105 Chu Van An, Yet Kieu Ward, Ha Dong District, Hanoi City.

- Điện thoại/Phone Number: 02439.333.636

Fax: 02439.336.426

- Vốn điều lệ/Charter Capital: **8.163.606.720.000 đồng** (Bằng chữ: Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)./VND 8.163.606.720.000 (In words: Eight trillion, one hundred sixty-three billion, six hundred and six million, seven hundred and twenty thousand Vietnamese dong).

- Mã chứng khoán/Stock Code: VAB.

- Mô hình quản trị công ty/Corporate Governance Model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, and General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/Internal Audit Function Implementation: Đã thực hiện/Completed.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholder.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) được tổ chức ngày 25/4/2026 tại Thành phố Hà Nội; Đại hội đã thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS), 11 Tờ trình thuộc thẩm quyền HĐQT và ban hành Nghị quyết sau/ The 2026 Annual General Meeting of Shareholders (AGM) of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank was held on 25 April 2026 in Hanoi. At the Meeting, the General Meeting of Shareholders approved the Report of

the Board of Directors, the Report of the Board of Supervisors, and eleven (11) proposals falling within the authority of the General Meeting of Shareholders, and adopted the following Resolution:

STT No.	Số hiệu <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung/ <i>Content</i>
01	02/2026/NQ-ĐHĐCĐ	25/4/2026	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á phiên họp thường niên năm 2026. <i>Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.</i>

VAB không thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong 06 tháng đầu năm 2026.

During the first six months of 2026, VAB did not conduct the collection of shareholders' opinions in writing.

II. Hội đồng Quản trị/ *Board of Directors.*

1. Thông tin về Thành viên Hội đồng Quản trị/ *Information about the members of the Board of Directors.*

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của VAB có 07 (bảy) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên độc lập, bao gồm/ *The Board of Directors of VAB for the 2023–2028 term consists of seven (07) members, including two (02) independent members, as follows:*

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Members of the Board of Directors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Thành viên độc lập HĐQT <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông/Mr. Phương Thành Long	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023 <i>Re-elected effective from 28/4/2023</i>	-
2	Ông/Mr. Phan Văn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice-Chairman</i>	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023 <i>Re-elected effective from 28/4/2023</i>	-
3	Ông/Mr. Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT <i>Member</i>	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023 <i>Re-elected effective from 28/4/2023</i>	-
4	Ông/Mr. Nguyễn Hồng Hải	Thành viên HĐQT <i>Member</i>	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023 <i>Re-elected effective from 28/4/2023</i>	-

5	Ông/Mr. Lê Hồng Phương	Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent Member</i>	Được bầu từ ngày 28/4/2023 <i>Re-elected effective from 28/4/2023</i>	-
6	Ông/Mr. Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT <i>Member</i>	Được bầu từ ngày 26/4/2025 <i>Elected effective from 26/4/2025</i>	-
7	Ông/Mr. Thái Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent Member</i>	Được bầu từ ngày 26/4/2025 <i>Elected effective from 26/4/2025</i>	-

2. Các cuộc họp của HĐQT/ *Meetings of the Board of Directors.*

Sáu tháng đầu năm 2026, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ hàng quý, 06 phiên họp giao ban tháng, 06 phiên họp đột xuất phê duyệt, chỉ đạo các nội dung liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT/ *During the first six months of 2026, the Board of Directors held two (02) regular quarterly meetings, six (06) monthly management meetings, and four (04) extraordinary meetings to approve and direct matters relating to the Bank's operations within the authority of the Board of Directors.*

TT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông/Mr. Phương Thành Long	14/14	100%	-
2	Ông/Mr. Phan Văn Tới	14/14	100%	-
3	Ông/Mr. Trần Tiến Dũng	14/14	100%	-
4	Ông/Mr. Nguyễn Hồng Hải	14/14	100%	-
5	Ông/Mr. Lê Hồng Phương	14/14	100%	-
6	Ông/Mr. Nguyễn Văn Trọng	14/14	100%	-
7	Ông/Mr. Thái Nguyễn Hoàng Nhã	14/14	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành (BDH)/ *Supervisory Activities of the Board of Directors over the Management.*

- Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát BDH trên cơ sở tuân thủ Điều lệ VAB, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành. Định kỳ hàng tháng, HĐQT tổ chức họp phiên thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường, từ đó quyết định chủ trương, định hướng, chỉ đạo kịp thời, bám sát thực tiễn. Tại các phiên họp này, Tổng Giám đốc (TGD)/Phó TGD báo cáo về hoạt động của ngân hàng; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết

định của HĐQT; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và TGD chỉ đạo triển khai các công việc cụ thể./ *The Board of Directors exercises oversight over the Management in compliance with the Charter of VietABank, the Board of Directors' Organization and Operation Regulations, the Internal Governance Regulations, and applicable laws and regulations. On a monthly basis, the Board convenes its regular meetings to review the Bank's business performance, assess macroeconomic conditions and market developments, and make timely decisions on strategic directions and management guidance in response to evolving business conditions. At these meetings, CEO and Deputy CEOs report on the Bank's operating performance, the implementation progress of resolutions adopted by the General Meeting of Shareholders, as well as resolutions and decisions of the Board. They also present thematic reports as requested by the Board. Based on these reports, the Board assigns responsibilities to individual Board members and instructs the CEO to organize and oversee the implementation of specific tasks.*

- Bên cạnh việc định hướng, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ kinh doanh, ngay từ đầu năm 2026, HĐQT đã phê duyệt các kế hoạch cụ thể đến từng mảng hoạt động tạo điều kiện cho BDH tổ chức triển khai thống nhất đến các đơn vị trong hệ thống. Các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu đề ra, các chỉ tiêu phần lớn hoàn thành theo kế hoạch. BDH đã tuân thủ các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ VAB và các Nghị quyết của HĐQT trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành Ngân hàng/ *In addition to providing strategic direction and oversight of the Bank's business operations, at the beginning of 2026, the Board of Directors approved detailed business plans covering each key area of operation, thereby enabling the Management to implement them consistently across the Bank's system. The approved initiatives were executed proactively and in a coordinated manner, ensuring adherence to the established roadmap and strategic objectives, with the majority of performance targets achieved as planned. The Management has conducted the Bank's management and operations in compliance with the Law on Credit Institutions, the Charter of VietABank, and the resolutions of the Board of Directors, while ensuring effective implementation of the Board's directives and approved business plans.*
- Hội đồng Quản trị triển khai các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua như: Tiến hành triển khai thủ tục tăng vốn điều lệ Đợt 1 năm 2026 của VAB theo Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu; đăng ký phát hành và niêm yết trái phiếu ra công chúng,.../ *The Board of Directors has implemented the resolutions approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, including the execution of procedures for the first phase of VietABank's 2026 charter capital increase through the issuance of shares from equity, as well as the registration for the public offering and listing of corporate bonds, among other approved initiatives.*
- Thông qua các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc, HĐQT giám sát, chỉ đạo BDH đối với các hoạt động trọng yếu như: chiến lược kinh doanh, phát triển nguồn nhân lực, định hướng phát triển tín dụng và công tác xử lý nợ/ *Through its specialized Committees*

and Councils, the Board of Directors oversees and directs the Board of Management in relation to the Bank's key areas of operation, including business strategy, human resource development, credit growth orientation, and non-performing loan (NPL) resolution.

4. Hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees.*

Ngân hàng TMCP Việt Á có 03 Ủy ban thuộc HĐQT là: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự và Ủy ban Chiến lược. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành/ *VietABank has established three Board-level Committees under the Board of Directors, namely the Strategy Committee, the Risk Management Committee, and the Human Resources Committee. Each Committee operates in accordance with its respective Charter, as approved and promulgated by the Board of Directors.*

Các Ủy ban có nhiệm vụ tham mưu, đánh giá chuyên sâu và báo cáo định kỳ cho HĐQT về các vấn đề thuộc phạm vi giám sát của mình, tạo cơ chế kiểm soát và phản hồi đa chiều, giúp HĐQT tăng cường chức năng quản lý, giám sát hoạt động của Ngân hàng/ *The Committees are responsible for providing advisory support, conducting in-depth reviews, and submitting periodic reports to the Board of Directors on matters within their respective areas of oversight. They serve as an effective mechanism for internal control and multi-dimensional feedback, thereby enhancing the Board of Directors' governance and oversight of the Bank's operations.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors.*

Trong 6 tháng đầu năm 2026, HĐQT xem xét phê duyệt, thông qua các tờ trình của TGD/ Ủy ban/ Hội đồng trực thuộc và đã ban hành một số văn bản liên quan đến nhiều nội dung khác nhau như sau/ *During the first six months of 2026, the Board of Directors reviewed, approved, and adopted proposals submitted by the Chief Executive Officer and the committees/councils under its authority, and issued a number of resolutions and decisions relating to various aspects of the Bank's operations, as follows:*

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành <i>Issued Date</i>	Nội dung/ Trích yếu <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	02/2026/NQ-HĐQT	08/01/2026	Thông báo cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028. <i>Notice on Shareholders' Exercise of the Right to Nominate and Self-Nominate Candidates for the Election of an Additional Member of the Board of Directors for the 2023-2028 Term</i>	100%
2	05/2026/NQ-HĐQT	13/01/2026	Thông qua cấp bảo lãnh từng lần cho khách hàng Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phương <i>Approved the issuance of a transaction-specific guarantee</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành <i>Issued Date</i>	Nội dung/ Trích yếu <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>facility to Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company</i>	
3	08/2026/NQ-HDQT	21/01/2026	Phê duyệt sửa đổi Quy chế phê duyệt tín dụng tại VAB. <i>Approved the amendments to the Credit Approval Regulations of VietABank</i>	100%
4	11/2026/QĐ-HDQT	26/01/2026	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của VAB. <i>Adopted the Regulations on the Management and Utilization of Funds Appropriated from VietABank's After-tax Profits</i>	100%
5	14/2026/NQ-HDQT	27/01/2026	Thông qua số lượng thành viên HDQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 dự kiến được bầu bổ sung và tài liệu thông báo cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến. <i>Approved the proposed number of additional members to be elected to the Board of Directors for the 2023-2028 term and the shareholder notification materials regarding the exercise of the rights to nominate and stand for election of prospective candidates</i>	100%
6	21/2026/NQ-HDQT	12/02/2026	Phê duyệt ngân sách thưởng thúc đẩy kinh doanh năm 2026 dành cho cán bộ bán. <i>Approved the 2026 Sales Incentive Bonus Budget for Sales Personnel</i>	100%
7	23/2026/NQ-HDQT	28/02/2026	Phê duyệt phương án phát hành Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Á Năm 2026 – Đợt 1. <i>Approved the Issuance Plan for VietABank Certificates of Deposit – 2026, Phase 1</i>	100%
8	26/2026/QĐ-HDQT	03/03/2026	Sửa đổi, bổ sung các văn bản định chế do HDQT ban hành theo Quy chế tổ chức và hoạt động của VAB. <i>Approved the amendments and supplements to the internal regulations issued by the Board of Directors in accordance with VietABank's Organization and Operation Regulations</i>	100%
9	27/2026/NQ-HDQT	04/03/2026	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. <i>Approved the record date for determining shareholders eligible to attend the 2026 Annual General</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành <i>Issued Date</i>	Nội dung/ Trích yếu <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Meeting of Shareholders</i>	
10	36/2026/NQ-HĐQT	20/03/2026	Phê duyệt ngân sách chương trình tri ân khách hàng nhân dịp sinh nhật năm 2026 dành cho KHCN. <i>Approved the budget for the 2026 Customer Appreciation Program in celebration of VietABank's anniversary for individual customers</i>	100%
11	38/2026/NQ-HĐQT	23/03/2026	Phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin trọng yếu tại VAB. <i>Approved the security classification dossier for VietABank's critical information systems</i>	100%
12	40/2026/NQ-HĐQT	25/03/2026	Phê duyệt địa điểm và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ VAB thường niên năm 2026. <i>Approved the date and venue for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders (AGM)</i>	100%
13	42/2026/QĐ-HĐQT	25/03/2026	Thay đổi địa điểm trụ sở CN An Giang. <i>Approved the relocation of the An Giang Branch's head office</i>	100%
14	43/2026/NQ-HĐQT	26/03/2026	Phê duyệt Phương án mua lại trước hạn trái phiếu phát hành riêng lẻ Ngân hàng TMCP Việt Á – mã VAB12402 (VABCLH2431001). <i>Approved the plan for the early redemption of VietABank's privately placed bonds – Bond Code: VAB12402 (VABCLH2431001)</i>	100%
15	46/2026/NQ-HĐQT	30/03/2026	Phê duyệt chủ trương gia hạn Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật Core Flexcube. <i>Approved, in principle, the extension of the Technical Support Agreement for the FLEXCUBE Core Banking System</i>	100%
16	56/2026/NQ-HĐQT	31/03/2026	Phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho VAB niên độ 2026. <i>Approved the appointment of the independent auditor for VietABank's 2026 financial statements</i>	100%
17	73/2026/NQ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế phê duyệt tín dụng tại VAB. <i>Approved the amendments and supplements to the Credit Approval</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành <i>Issued Date</i>	Nội dung/ Trích yếu <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Regulations of VietABank</i>	
18	74/2026/NQ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế khẩu vị rủi ro tại VAB. <i>Approved the amendments and supplements to VietABank's Risk Appetite Framework</i>	100%
19	78/2026/NQ-HĐQT	11/04/2026	Phê duyệt chủ trương phát hành trái phiếu ra công chúng VAB năm 2026. <i>Approved, in principle, the public offering of VietABank bonds in 2026</i>	100%
20	79/2026/NQ-HĐQT	11/04/2026	Phê duyệt ngân sách thưởng thúc đẩy triển khai chương trình "90 ngày chinh phục hộ kinh doanh". <i>Approved the incentive bonus budget for promoting the implementation of the "90 Days to Conquer Business Households" campaign</i>	100%
21	83/2026/NQ-HĐQT	16/04/2026	Phê duyệt triển khai hợp tác với đối tác Công ty CP Thanh toán số Mobifone (MDP). <i>Approved the cooperation with MobiFone Digital Payment Joint Stock Company (MDP)</i>	100%
22	92/2026/NQ-HĐQT	07/05/2026	Phê duyệt ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. <i>Approved the Charter, the Internal Governance Regulations, and the Organization and Operation Regulations of the Board of Directors</i>	100%
23	96/2026/NQ-HĐQT	08/05/2026	Bổ sung nội dung hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế vào giấy phép hoạt động của VAB. <i>Approved the addition of international payment system participation to VietABank's banking license</i>	100%
24	106/2026/NQ-HĐQT	18/05/2026	Phê duyệt chủ trương và ngân sách phát triển sản phẩm thẻ tín dụng điện tử. <i>Approved, in principle, the development of an electronic credit card product and the related budget</i>	100%
25	107/2026/NQ-HĐQT	18/05/2026	Phê duyệt chủ trương triển khai sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế VAB Visa dành cho KHDN. <i>Approved, in principle, the launch of the VietABank Visa International Credit Card for corporate customers</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành <i>Issued Date</i>	Nội dung/ Trích yếu <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
26	110/2026/NQ- HDQT	18/05/2026	Phê duyệt thành lập Ban dự án Quy hoạch và Phát triển mạng lưới VAB. <i>Approved the establishment of the VietABank Network Planning and Development Project Steering Committee</i>	100%
27	116/2026/NQ- HDQT	25/05/2026	Phê duyệt và triển khai tăng VDL đợt 1 năm 2026 của VAB theo phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. <i>Approved the implementation of the first phase of VietABank's 2026 charter capital increase in accordance with the share issuance plan funded from equity</i>	100%
28	118/2026/NQ- HDQT	26/05/2026	Phê duyệt chủ trương điều chỉnh các quy chế về tổ chức và hoạt động của các hội đồng trong hoạt động tín dụng nhằm đáp ứng theo quy định NHNN tại Thông tư 83/2025. <i>Approved, in principle, the amendments to the regulations governing the organization and operation of credit-related committees to ensure compliance with the State Bank of Vietnam's Circular No. 83/2025/TT-NHNN</i>	100%
29	124/2026/QĐ- HDQT	29/05/2026	Miễn nhiệm chức vụ Phó TGDĐ đối với ông Trần Tiến Dũng <i>Approved the dismissal of Mr. Tran Tien Dung from the position of Deputy Chief Executive Officer and the termination of his employment contract</i>	100%
30	128/2026/NQ- HDQT	04/06/2026	Thông qua phương án vay vốn từ Quỹ GCPF và SIFEM. <i>Approved the proposed borrowing arrangement with the Global Climate Partnership Fund (GCPF) and the Swiss Investment Fund for Emerging Markets (SIFEM)</i>	100%
31	136/2026/NQ- HDQT	15/06/2026	Phê duyệt triển khai Thông tư 14/2025/TT-NHNN và Thông tư số 83/2025/TT-NHNN <i>Approved the implementation of the State Bank of Vietnam's Circular No. 14/2025/TT-NHNN and Circular No. 83/2025/TT-NHNN</i>	100%
32	138/2026/NQ- HDQT	17/06/2026	Phê duyệt thay đổi chi nhánh quản lý PGD Châu Phú - CN An Giang về trực thuộc CN Hoàng Mai, thay đổi địa điểm đặt trụ sở và tên gọi	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành <i>Issued Date</i>	Nội dung/ Trích yếu <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			PGD. <i>Approval of the change of the managing branch for Chau Phu Transaction Office from An Giang Branch to Hoang Mai Branch, and the relocation and renaming of the Transaction Office.</i>	
33	147/2026/QĐ- HĐQT	30/06/2026	Phê duyệt ban hành Quy chế phê duyet trong hoạt động tín dụng và quản lý nợ. <i>Approved the issuance of the Regulations on Credit Approval and Debt Management</i>	100%
34	153/2026/QĐ- HĐQT	30/06/2026	Phê duyệt ban hành Quy chế quản lý rủi ro tín dụng tại VAB. <i>Approved the issuance of the Credit Risk Management Regulations of VietABank</i>	100%

III. Ban Kiểm soát.

1. Thông tin về Thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát VAB nhiệm kỳ 2023-2028 có 03 (ba) Thành viên, bao gồm/ *Members of the Board of Supervisors has 03 (three) members for the 2023 – 2028 term:*

ST T/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS/ <i>Start/End Date of Membership</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Educational Background</i>
1	Bà/Mrs. Nguyễn Kim Phượng	Trưởng BKS/ <i>Head of the Board of Supervisors</i>	Được bầu lại là Trưởng BKS từ ngày 28/4/2023/ <i>Re-elected as Head of the Board of Supervisors from April 28, 2023</i>	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>
2	Ông/Mr. Nguyễn Văn Thành	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	Được bầu là Thành viên BKS từ ngày 28/4/2023/ <i>Elected as a member of the Board of Supervisors from April 28, 2023</i>	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>
3	Ông/ Mr. Trần Ngọc Hải	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	Được bầu là Thành viên BKS từ ngày 26/4/2024/ <i>Elected as a member of the Board of Supervisors from April 26, 2024</i>	Thạc sỹ kinh tế/ <i>Master of Economics</i>

2. Cuộc họp của BKS/ *Meetings of the Board of Supervisors*

STT/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of Meetings</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendan</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reason for Non-</i>
-------------	-----------------------------------	--	---	--	---

		<i>Attended</i>	<i>ce Rate</i>	<i>rate</i>	<i>attendance</i>
01	Bà/Mrs. Nguyễn Kim Phượng	02/02	100%	100%	
02	Ông/Mr. Nguyễn Văn Thành	02/02	100%	100%	
03	Ông/Mr. Trần Ngọc Hải	02/02	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông/ *Supervisory Activities of the Board of Supervisors over the Board of Directors, the Management, and Shareholders*

- Ban Kiểm soát tổ chức giám sát thường xuyên và kiểm soát định kỳ các hoạt động của HĐQT, hoạt động kinh doanh của BDH, thực hiện soát xét, thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm báo cáo ĐHCĐ thường niên. Tham gia, có ý kiến và kiến/khuyến nghị đến HĐQT, BDH tại các cuộc họp của HĐQT, có báo cáo về tình hình giám sát hoạt động Ngân hàng tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/ *The Supervisory Board shall conduct ongoing supervision and periodic inspection of the activities of the Board of Directors and the business operations of the Executive Board, review and appraise quarterly and annual financial statements submitted to the Annual General Meeting of Shareholders. The Supervisory Board participates in meetings of the Board of Directors, provides opinions and recommendations to the Board of Directors and the Executive Board, and presents reports on the supervision of the Bank's operations at regular meetings of the Board of Directors.*
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ ngân hàng trong việc quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng/ *Monitor compliance with the provisions of law, regulations of the State Bank of Vietnam, and the Bank's Charter in the governance and management of the Bank's operations.*
- Thường xuyên giám sát hoạt động của BDH/ *Regularly supervise the activities of the Executive Board.*
- Chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ để rà soát, đánh giá một cách độc lập khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ/ *Direct, manage, and supervise the activities of the Internal Audit Department in order to independently and objectively review and assess the internal control system.*
- Theo dõi tình hình sở hữu cổ phần thông qua Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp; kiểm soát và hỗ trợ các cổ đông thay đổi thông tin cổ đông/cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần/ *Monitor share ownership status based on the list of shareholders provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC); control and support shareholders in changing shareholder information/re-issuing share ownership certificates and addressing other issues related to shareholders and shares.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác/ *Coordination between the Supervisory Board and the Board of Directors, the Executive Board and other managers:*

- Tham gia ý kiến đối với một số quy định trong nội bộ VAB như: Quy chế Quản lý rủi ro tín dụng, Chính sách Quản lý rủi ro hoạt động, Quy chế Xử lý nợ và nhiều quy định

nội bộ khác, /Provide comments on certain internal regulations of VAB such as: the Credit Risk Management Regulation, the Operational Risk Management Policy, the Debt Handling Regulation and various other internal regulations, etc.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá các tồn tại, hạn chế được tổng hợp từ các đơn vị kinh doanh thông qua công tác kiểm toán nội bộ và hệ thống báo cáo định kỳ hàng quý, có báo cáo và kiến/khuyến nghị đến HĐQT và BĐH/ Organize inspections, reviews and assessments of shortcomings and limitations consolidated from business units through internal audit activities and quarterly periodic reports, and report and make proposals/recommendations to the Board of Directors and the Executive Board.

IV. Ban Điều hành/Board of Management.

STT/ No.	Thành viên/Members	Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	Trình độ chuyên môn/Educational Background	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm/ Appointment/Dismissal Date
1	Ông/Mr. Nguyễn Văn Trọng		Thạc sĩ/Master's Degree	Bổ nhiệm/Appointed: 01/5/2020
2	Ông/Mr. Trần Tiến Dũng		Cử nhân/Bachelor's Degree	Bổ nhiệm/Appointed: 26/6/2018 Miễn nhiệm/ Dismissed: 01/06/2026
3	Ông/Mr. Bùi Xuân Dũng		Thạc sĩ/Master's Degree	Bổ nhiệm/Appointed: 07/10/2024

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant.

Họ và tên/Full name	Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	Trình độ chuyên môn/Educational Background	Ngày bổ nhiệm/Appointment Date
Ông/Mr. Nguyễn Thành Công		Cử nhân/Bachelor's Degree	07/9/2021

VI. Đào tạo về quản trị công ty.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Corporate governance training programs attended by members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managerial officers in accordance with corporate governance regulations:

- Không/None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của VAB với chính VAB/ List of Related Persons of the Listed Company as Defined in Clause 34, Article 6 of the Law on Securities, and Transactions between Such Related Persons and VAB.

1. Danh sách về người có liên quan của VAB (đính kèm Phụ lục 01)/ *The list of affiliated persons of VAB (Appendix 01).*

2. Giao dịch giữa VAB với người có liên quan của VAB; hoặc giữa VAB với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (đính kèm Phụ lục 02)/ *Transactions between VAB and its affiliated persons or between VAB and its major shareholders, internal persons and affiliated persons. (Appendix 02).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do VAB nắm quyền kiểm soát/ *Transactions between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and VAB's subsidiaries in which VAB takes controlling power.*

- Không có/None.

4. Giao dịch giữa VAB với các đối tượng khác/ *Transactions between VAB and others.*

4.1. Giao dịch giữa VAB với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between VAB and companies that its members of the Board of Directors/Board of Supervisors or General Directors have been or are serving as founding members, members of the Board of Directors, or Directors (General Directors) within the past three (03) years (as of the reporting date).*

- Giao dịch giữa VAB và Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi (ông Phan Văn Tới giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT). (Phụ lục 02)/ *Transactions between VAB and Cu Chi Industrial – Commercial Development Investment Joint Stock Company, where Mr. Phan Van Toi serves as Chairman of the Board of Directors. (Appendix 02)*

4.2. Giao dịch giữa VAB với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành./ *Transactions between VAB and companies in which affiliated persons of members of the Board of Directors/Board of Supervisors or General Directors who is also a member of the Board of Directors or Directors (General Directors) hold relevant interests.*

- Không có/ None.

4.3. Các giao dịch khác của VAB (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc/ *Other transactions of VAB (if any) that may give rise to material or non-material benefits for members of the Board of Directors/Board of Supervisors or General Directors.*

- Không có/ None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ *Transactions in shares of internal persons and affiliated persons of internal persons.*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (đính kèm Phụ lục 03)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Appendix 03).*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của VAB/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of VAB.*

Không phát sinh giao dịch trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2026/ *No transactions were recorded during the six-month reporting period ended 30 June 2026.*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues.*

Không có/*None.*

Trân trọng báo cáo/ *Respectfully submitted./.*

Nơi nhận/ *Recipients:*

- Như kính gửi/*Respectfully submitted;*
- Lưu VP, P.PC & GSTT, P.HC/*Archived*
Office of BoD, Legal Department,
Administration Department.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS



PHƯƠNG THÀNH LONG

PHỤ LỤC 01/ APPENDIX 01

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA VAB/ THE LIST OF INTERNAL PERSONS OF VAB

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
I NGƯỜI NỘI BỘ CỦA VAB/THE INTERNAL PERSONS OF VAB									
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BOARD OF DIRECTORS									
1	Phương Thành Long		Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật/ <i>Chairman of the Board of Directors, Legal Representative</i>			04/01/2021			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
2	Phan Văn Tới		Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>			28/02/2007			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
3	Trần Tiến		Thành viên			26/04/2018			Người nội

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ ID Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be an affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be an affiliated person	Lý do/ Reasons	Mối quan hệ liên quan với VAB/ Relationship with VAB
	Dũng		HDQT/Mem ber of the Board of Directors						bộ/Internal Person
4	Nguyễn Hồng Hải		Thành viên HDQT/Mem ber of the Board of Directors			20/06/2020			Người nội bộ/Internal Person
5	Lê Hồng Phương		Thành viên độc lập HDQT/Indep endent Member of the Board of Directors			28/4/2023			Người nội bộ/Internal Person
6	Nguyễn Văn Trọng		Thành viên HDQT, Tổng giám đốc/Member of the Board of Directors, General			01/5/2020			Người nội bộ/Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ ID Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be an affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be an affiliated person	Lý do/ Reasons	Mối quan hệ liên quan với VAB/ Relationship with VAB
			Director						
7	Thái Nguyễn Hoàng Nhã		Thành viên độc lập HĐQT/Independent Member of the Board of Directors			26/4/2025			Người nội bộ/Internal Person
BAN KIỂM SOÁT/BOARD OF SUPERVISORS									
1	Nguyễn Kim Phụng		Trưởng BKS/ Head of the Board of Supervisors			24/4/2015			Người nội bộ/Internal Person
2	Nguyễn Văn Thành		Thành viên BKS/ Member of the Board of Supervisors			28/4/2023			Người nội bộ/Internal Person
3	Trần Hải Ngọc		Thành viên BKS/ Member of			26/4/2024			Người nội bộ/Internal

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
			<i>the Board of Supervisors</i>						<i>Person</i>
BAN ĐIỀU HÀNH/BOARD OF MANAGEMENT									
1	Nguyễn Văn Trọng		Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>			01/5/2020			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
2	Trần Tiến Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Vice-General Director</i>			26/4/2018	01/06/2026		Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
3	Bùi Xuân Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Vice-General Director</i>			07/10/2024			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
KẾ TOÁN TRƯỞNG/CHIEF ACCOUNTANT									
1	Nguyễn Thành Công		Kế Toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>			08/9/2021			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
II CÔNG TY CON/SUBSIDIARY COMPANY									

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
1	CÔNG TY TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản - VAB (AMC VAB)/Vietnam Asia Joint Stock Commercial Bank – Debt Management and asset exploitation company limited			ĐKKD số 0310540710 cấp lần thứ 12 ngày 26/6/2023 tại Sở KH & ĐT TP.HCM/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0310540710, 12th amendment issued on June 26, 2023 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.</i>	Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>2nd Floor, 119-121 Nguyen Cong Tru Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	27/12/2010			Công ty con/Subsidiary company
III CÔ ĐỒNG LỚN/MAJOR SHAREHOLDER									
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương/ <i>Viet Phuong</i>			ĐKKD số 0100237852 – thay đổi lần thứ 13 ngày 04/03/2025 – Tại	Tầng 6 tòa nhà Samsora Premier 105 Phố Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội <i>6th Floor, Samsora Premier</i>	01/11/2010			Cổ đông lớn/Major Shareholder

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in dividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
	<i>Investment Group Joint Stock Company</i>			Sở Tài chính Thành phố Hà Nội <i>Enterprise Registration Certificate No.: 0100237852 – 13th amendment dated 04 March 2025, issued by the Hanoi Department of Finance</i>	<i>Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>				
IV	TỔ CHỨC VAB SỞ HỮU TRÊN 10% CỔ PHIẾU QUYỀN BIỂU QUYẾT/ORGANIZATIONS HOLDING OVER 10% OF VOTING SHARES OF VAB								
1	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương/ <i>Hung Vuong Insurance Joint Stock Corporation</i>			ĐKKD số 50GP/KDBH cấp ngày 19/5/2008 tại Bộ Tài chính <i>License No.: 50GP/KDBH, issued on 19 May 2008 by the</i>	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội <i>5th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>	19/05/2008			Tỷ lệ sở hữu: 11%/ <i>Ownership percentage: 11%</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
				Ministry of Finance					

PHỤ LỤC 02/APPENDIX 02

GIAO DỊCH GIỮA VAB VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA VAB; HOẶC GIỮA VAB VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/TRANSACTIONS BETWEEN VAB AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN VAB AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1	Phương Thành Long	Người nội bộ Internal Person			TDND: 25/12/2023 VISA: 26/01/2024 <i>Domestic credit card: 25 December 2023 International Visa credit card: 26 January 2024</i>	214/2023/NQ-HĐQT ngày 25/10/2023 <i>Resolution No. 214/2023/NQ-HĐQT dated 25 October 2023</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDND: 25/12/2023) - Thẻ tín dụng quốc tế VISA: 300.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 26/01/2024) <i>Products: Domestic credit card; International Visa credit card Quantity: 02 cards Approved credit limits: - Domestic credit card: VND</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
							200.000.000 (Card issuance date: 25 December 2023) - International Visa credit card: VND 300,000,000 (Card issuance date: 26 January 2024)	
2	Trần Tiến Dũng	Người nội bộ <i>Internal Person</i>			TDND: 27/11/2023 VISA: 23/11/2023 <i>Domestic credit card: 27 November 2023</i> <i>International Visa credit card: 23 November 2023</i>	214/2023/NQ-HĐQT ngày 25/10/2023 <i>Resolution No. 214/2023/NQ-HĐQT dated 25 October 2023</i>	Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: Hạn mức được cấp: 100.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ TDND: 27/11/2023) - Thẻ tín dụng quốc tế VISA: 200.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ VISA: 23/11/2023) <i>Products: Domestic credit card; International Visa credit card</i> <i>Quantity: 02 cards</i> <i>Approved credit limits:</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
							- Domestic credit card: VND 100.000.000 (Card issuance date: 27 November 2023) - International Visa credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 23 November 2023)	
3	Nguyễn Hồng Hải	Người nội bộ <i>Internal Person</i>			TDND: 08/11/2023 VISA: 18/11/2023 Domestic credit card: 8 November 2023 International Visa credit card: 18 November 2023	214/2023/NQ-HĐQT ngày 25/10/2023 <i>Resolution No. 214/2023/NQ-HĐQT dated 25 October 2023</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDND: 08/11/2023) - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 18/11/2023) Products: Domestic credit card; International Visa credit card Quantity: 02 cards Approved credit limits:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
							- Domestic credit card: VND 200.000.000 (Card issuance 8 November 2023) - International Visa credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 18 November 2023)	
4	Lê Hồng Phương	Người nội bộ <i>Internal</i>			14/11/2023	214/2023/NQ-HĐQT ngày 25/10/2023 <i>Resolution No. 214/2023/NQ-HĐQT dated 25 October 2023</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 01 Thẻ Hạn mức được cấp: 200.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ VISA: 14/11/2023) <i>Product: International Visa Credit Card</i> <i>Quantity: 1 card</i> <i>Approved Credit Limit: VND 200,000,000 (Card issuance date: November 14, 2023)</i>	
5	Nguyễn Văn	Người nội			TDNB:	214/2023/NQ-	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa,	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú/ Note
	Trọng	bộ Internal			07/12/2023 VISA: 19/09/2024 Domestic credit card: 7 December 2023 International Visa credit card: 19 September 2024	HĐQT ngày 25/10/2023 Resolution No. 214/2023/NQ-HĐQT dated 25 October 2023	Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDND: 07/12/2023) - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 24/09/2021, ngày gia hạn thẻ: 19/09/2024) Products: Domestic credit card; International Visa credit card Quantity: 02 cards Approved credit limits: - Domestic credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 7 December 2023) - International Visa credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 24 September 2021; Card	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/Head Office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú/ Note
							renewal date: 19 September 2024)	
6	Nguyễn Kim Phụng	Người nội bộ Internal Person			TDND: 16/01/2024 VISA: 20/01/2024 Domestic credit card: 16 January 2024 International Visa credit card: 20 January 2024	04/2024/NQ-HDQT ngày 05/01/2024 Resolution No. 04/2024/NQ-HDQT dated 05 January 2024	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDND: 16/01/2024) - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 150.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 20/01/2024) Products: Domestic credit card; International Visa credit card Quantity: 02 cards Approved credit limits: - Domestic credit card: VND 100.000.000 (Card issuance 16 January 2024)- International Visa credit card: VND 150,000,000 (Card issuance date: 20 January	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
							2024)	
7	Nguyễn Văn Thành	Người nội bộ <i>Internal Person</i>			TDND: 16/01/2024 VISA: 20/01/2024 <i>Domestic credit card: 16 January 2024</i> <i>International Visa credit card: 20 January 2024</i>	04/2024/NQ-HĐQT ngày 05/01/2024 172/2025/NQ-HĐQT ngày 29/5/2025 <i>Resolution No. 04/2024/NQ-HĐQT dated 05 January 2024</i> <i>Resolution No. 172/2025/NQ-HĐQT dated 29 May</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 200.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ TDND: 24/06/2025) - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 300.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ VISA: 30/05/2025) <i>Products: Domestic credit card; International Visa credit card</i> <i>Quantity: 02 cards</i> <i>Approved credit limits:</i> - Domestic credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 24 June 2025) - International Visa credit card: VND 300,000,000 (Card issuance	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
							date: 30 May 2025).	
8	Trần Ngọc Hải	Người nội bộ <i>Internal Person</i>			17/06/2024	126/2024/NQ-HĐQT ngày 13/6/2024 <i>Resolution No. 126/2024/NQ-HĐQT dated 13 June</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa: Số lượng thẻ: 01 thẻ Hạn mức được cấp: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDNĐ:17/06/2024) <i>Products: Domestic credit card</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
							<i>Quantity: 01 card</i> <i>Approved credit limit: Domestic credit card: VND 100,000,000</i> <i>(Card issuance date: 17 June 2024)</i>	
9	Bùi Xuân Dũng	Người nội bộ <i>Internal Person</i>			13/11/2024	249/2024/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2024 <i>Decision No. 249/2024/QĐ-HĐQT dated 08 November 2024</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 01 Thẻ Hạn mức được cấp: 200.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ VISA:13/11/2024) <i>Products: International Visa credit card</i> <i>Quantity: 01 card</i> <i>Approved credit limit: International Visa credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 13 November 2024)</i>	
10	Nguyễn Thành	Người nội			28/02/2024	04/2024/NQ-HĐQT	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa,	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
	Công	bộ <i>Internal Person</i>				ngày 05/01/2024 <i>Resolution No. 04/2024/NQ-HĐQT dated 05 January 2024</i>	Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDND: 28/02/2024) - Thẻ tín dụng quốc tế VISA: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 15/09/2025) <i>Products: Domestic credit card; International Visa credit card</i> <i>Quantity: 02 cards</i> <i>Approved credit limits:</i> - Domestic credit card: VND 100.000.000 (Card issuance 28 February 2024) - International Visa credit card: VND 100,000,000 (Card issuance date: 15 September 2025)	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
					03/01/2025	296/2024/NQ-HĐQT ngày 28/12/2024 <i>Resolution No. 296/2024/NQ-HĐQT dated 28 December 2024</i>	Nội dung: vay tiêu dùng/ mua sắm/ đầu tư theo quy định tại các sản phẩm cấp tín dụng dành cho KHCN tại VAB. Số dư tại ngày 30/06/2026: 1.888.339.000 VNĐ <i>Purpose: Consumer loan / purchase / investment in accordance with VAB's retail credit products.</i> <i>Outstanding loan balance as of 30 June 2026: VND 1,888,339,000.</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
11	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV) <i>Hung Vuong Insurance Joint Stock Corporation</i>	Bên liên quan <i>Related Party</i>	ĐKKD số 50GP/KDBH cấp ngày 19/5/2008 tại Bộ Tài chính <i>License No.: 50GP/KDBH, issued on 19 May 2008 by the Ministry of Finance</i>	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội <i>5th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>	Đến ngày 30/06/2026 <i>Until 30 June 2026</i>		Tiền gửi thanh toán: 15.862.479.062 VNĐ. Tiền gửi có kỳ hạn: 63.600.000.000 VNĐ Thu nhập từ giao dịch mua bán ngoại tệ, hoa hồng, phí dịch vụ và phí bảo hiểm với BHV: 7.663.678.314 VNĐ Chi phí phí bảo hiểm: 5.228.138.559 VNĐ <i>Current account deposit: VND 15,862,479,062. Term deposit: VND 63,600,000,000. Income from foreign exchange transactions, commissions, service fees, and insurance fees with BHV: VND 7,663,678,314. Insurance premium expenses: VND 5,228,138,559.</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HDQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
					01/01/2026 đến 31/12/2026 <i>From 01 January 2026 to 31 December 2026</i>	323/2025/NQ-HDQT ngày 30/12/2025 <i>(pursuant to Resolution No. 323/2025/NQ-HDQT dated 30 December 2025)</i>	Nội dung: Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho CBNV và người thân CNBV (VietABankCare) năm 2026, Bảo hiểm cháy nổ, Bảo hiểm xe, Bảo hiểm tài sản, Bảo hiểm trách nhiệm. Tổng giá trị giao dịch: 4.814.895.564 VNĐ <i>Details: Accident and health insurance for employees and their relatives under the 2026 VietABankCare Program; fire and explosion insurance; motor vehicle insurance; property insurance; and liability insurance.</i> <i>Total transaction value: VND 4,814,895,564.</i>	
12	Công ty CP Cổ đông	ĐKKD	số	Tầng 6 tòa nhà	Đến ngày	293/2025/NQ-	- Giao dịch tín dụng:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
	Tập đoàn đầu tư Việt Phương <i>Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company</i>	lớn <i>Major Shareholder</i>	0100237852 – thay đổi lần thứ 13 ngày 04/03/2025 – Tại Sở Tài chính Thành phố Hà Nội <i>6th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i> Registration Certificate No.: 0100237852 – 13th amendment dated 04 March 2025, issued by the Hanoi Department of Finance	Samsora Premier 105 Phố Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội <i>6th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>	30/06/2026 <i>Until 30 June 2026</i>	HĐQT ngày 07/11/2025 <i>No. 05/2026/NQ-HĐQT dated 13 January 2026</i>	Thông qua cấp bảo lãnh từng lần cho khách hàng Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phương. Dư nợ bảo lãnh tính đến 30/6/2026 là 16.263.000.000 VND <i>Credit transaction:</i> <i>Approval of a case-by-case guarantee facility for Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company. The outstanding guarantee balance as of 30 June 2026 was VND 16,263,000,000.</i>	
13	Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Công	Ông Phan Văn Tới là Chủ tịch	ĐKKD số 0302704764 cấp ngày	Ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ	Đến ngày 30/06/2026 <i>Until 30 June</i>	79C/2021/NQ-HĐQT ngày	- Giao dịch phi tín dụng: Tiền gửi thanh toán: 6.284.034.569 VND	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
	Nghiệp – Thương Mại Cù Chi (CCI) <i>Cu Chi Industrial – Commercial Development Investment Joint Stock Company</i>	HĐQT <i>Mr. Phan Van Toi served as Chairman of the Board of Directors.</i>	27/8/2002 tại Sở KH & ĐT TP.HCM <i>Enterprise Registration Certificate No.: 0302704764, issued on 27 August 2002 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment</i>	Chi Minh <i>Bau Tre 2 Hamlet, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City</i>	2026	01/06/2021 <i>No. 79C/2021/NQ-HĐQT dated 01 June 2021</i>	- Hợp đồng thuê nhà: CCI cho VAB thuê địa điểm kinh doanh <i>- Non-credit transactions: Current account deposit: VND 6,284,034,569</i> <i>- Lease agreement: Leasing of premises to CCI</i>	

PHỤ LỤC 03/APPENDIX 03

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
1	Phương Thành Long		Chủ tịch HDQT, Người đại diện theo pháp luật/ Chairman of the Board of Directors, Legal Representat ive			0,000	0,00%	
1.1	Phương Hữu Linh					0,000	0,00%	Bố đẻ Father
1.2	Lương Thị Linh					1.935.780	0,24%	Mẹ đẻ Mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold- ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
1.3	Phương Thùy Liên					0,000	0,00%	Chị gái Sister
1.4	Nguyễn Xuân Dũng					0,000	0,00%	Anh rể (chồng của bà Liên) Brother -in-law (husband of Ms. Lien)
1.5	Phương Minh Luận					0,000	0,00%	Anh trai Brother
1.6	Nguyễn Phương Hạnh					0,000	0,00%	Chị dâu (vợ của ông Luận) Sister- in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								(wife of Mr. Luan)
1.7	Phạm Hoàng Anh					0,000	0,00%	Vợ Wife
1.8	Phương Khánh An					0,000	0,00%	Con gái Daught er
1.9	Phương Thảo Anh					0,000	0,00%	Con gái Daught er
1.10	Phương Hiền Anh					0,000	0,00%	Con gái Daught er
1.11	Phương Hà Anh					0,000	0,00%	Con gái Daught er
1.12	Phạm Tuấn Anh					0,000	0,00%	Bố vợ Father-

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								in-law
1.13	Hoàng Thủy Chung					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law
2	Phan Văn Tới		Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the Board of Directors			0,000	0,00%	
2.1	Phan Văn Dùm							Cha đẻ/ Biologic al father
2.2	Nguyễn Thị Út							Mẹ đẻ/ Biologic al mother
2.3	Lâm Văn Rồi							Cha vợ/ Father-

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								in-law
2.4	Ngô Thị Mánh							Mẹ vợ/ Mother- in-law
2.5	Lâm Thị Thu Hương					78.952	0,01%	Vợ/ Wife
2.6	Phan Thị Bích Chi					0,000	0,00%	Con đẻ Daught er
2.7	Lê Lương Tâm					0,000	0,00%	Con rể (chồng của Bích Chi) Son-in- law (husban d of Ms. Phan Thị Bích

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Chi)
2.8	Phan Lâm Xuân Mai					0,000	0,00%	Con đẻ Daughter
2.9	Nguyễn Thanh Tùng					0,000	0,00%	Con rể (Chồng của Xuân Mai) Son-in- law (husban d of Ms. Phan Lam Xuan Mai)
2.10	Phan Thị Lân							Em gái/ Younger sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
2.11	Phan Văn Nôi							Em trai/ Younger brother
2.12	Đoàn Thị Lùng					0,000	0,00%	Em dâu (vợ của ông Nôi) Sister- in-law (wife of Mr. Phan Van Noi)
2.13	Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi Cu Chi Industrial – Commercial Development					8.160.206	1,0%	Chủ tịch HĐQT/ Chairm an of the Board of

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
	Investment Joint Stock Company							Directo rs
2.14	Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn/ Hoc Mon Food Processing Joint Stock Company					0,000	0,00%	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directo rs
2.15	Công Ty CP Xây Dựng Phát Triển Tây Bắc Tay Bac Development Construction Joint Stock Company					0,000	0,00%	Không còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ tháng 5/2026 do hết nhiệm kỳ.

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Ceased to serve as Chairm an of the Board of Directo rs in May 2026 upon the expiry of his term of office.
3	Trần Tiến Dũng		Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc			8.304.503	1,02%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			(đến ngày 01/06/2026) , Người phụ trách quản trị VAB <i>Member of the Board of Directors, Person in charge of Corporate Governance of VAB</i>					
3.1	Trần Minh Thông							Cha đẻ/ <i>Biologic al father</i>
3.2	Ninh Thị Chiêu							Mẹ đẻ/ <i>Biologic al mother</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
3.3	Trần Thị Minh Thu					0,000	0,00%	Chị gái Sister
3.4	Nguyễn Gia Sào					0,000	0,00%	Chồng của bà Thu Brother -in-law (husband of Ms. Tran Thi Minh Thu)
3.5	Trần Minh Đông					0,000	0,00%	Anh trai Brother
3.6	Mai Xuân Nghĩa					0,000	0,00%	Vợ của ông Đông Sister- in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								(wife of Mr. Tran Minh Dong)
3.7	Trần Minh Thanh					0,000	0,00%	Chị gái Sister
3.8	Bùi Duy Thơm					0,000	0,00%	Chồng của bà Thanh Brother -in-law (husban d of Ms. Tran Minh Thanh))
3.9	Trần Minh Hà					0,000	0,00%	Em gái Younger sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
3.10	Lê Mậu Lâm					0,000	0,00%	Chồng của bà Hà Brother -in-law (husband of Ms. Tran Minh Ha)
3.11	Lâm Nhật Phương					0,000	0,00%	Vợ Wife
3.12	Trần Nhật Nam Phương					0,000	0,00%	Con gái Daughter
3.13	Trần Nhật Phương Vy					0,000	0,00%	Con gái Daughter
3.14	Trần Đức Anh					0,000	0,00%	Con trai

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Son
3.15	Lâm Văn Thọ					0,000	0,00%	Bố vợ Father- in-law
3.16	Bùi Thu Vân					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law
3.17	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB VAB Asset Management and Debt Exploitation One Member Limited Liability Company			ĐKKD số 0310540710 cấp lần thứ 12 ngày 26/6/2023 tại Sở KH & ĐT TP.HCM Enterprise Registration Certificate No.: 0310540710, 12th amendment dated 26 June 2023, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment	Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh 2nd Floor, No. 119-121 Nguyen Cong Tru Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Thành viên HDTV Member of the Member s' Council
4	Nguyễn Hồng Hải		Thành viên HDQT, Người được			0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			Ủy quyền CBTT Member of the Board of Directors, Authorized Person for Information Disclosure					
4.1	Nguyễn Như Mục							Cha đẻ/ Biologic al father
4.2	Phạm Thị Tâm							Mẹ đẻ/ Biologic al mother
4.3	Trịnh Kim Dung					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
4.4	Ngô Tuấn Kiệt					0,000	0,00%	Bố vợ Father- in-law
4.5	Ngô Thu Hương					0,000	0,00%	Vợ wife
4.6	Nguyễn Duy Anh					0,000	0,00%	Con trai Son
4.7	Bùi Thu Trang					0,000	0,00%	Con dâu (Vợ ông Duy Anh) Daught er-in- law (wife of Mr. Nguyen Duy Anh)
4.8	Nguyễn Hoàng Long					0,000	0,00%	Con trai

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Son
4.9	Nguyễn Hồng Giang					0,000	0,00%	Em trai Younger Brother
4.10	Nguyễn Thu Hà					0,000	0,00%	Em gái Younger Sister
4.11	Nguyễn Thị Ánh					0,000	0,00%	Em dâu Sister- in-law
4.12	Lại Anh Tuấn					0,000	0,00%	Em rể Brother -in-law
4.13	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB VAB Asset Management and Debt Exploitation			ĐKKD số 0310540710 cấp lần thứ 12 ngày 26/6/2023 tại Sở KH & ĐT TP.HCM Enterprise Registration Certificate No.: 0310540710, 12th	Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh 2nd Floor, No. 119-121 Nguyen Cong Tru Street, Sai Gon Ward, Ho Chi	0,000	0,00%	Chủ tịch HĐTV Chairm an of the Member

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
	One Member Limited Liability Company			amendment dated 26 June 2023, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment	Minh City			s' Council
5	Lê Hồng Phương		Thành viên độc lập HDQT Independent Member of the Board of Directors			0,000	0,00%	
5.1	Lê Việt Hùng					0,000	0,00%	Bố đẻ Biologic al father
5.2	Phạm Thị Lộc					0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biologic al mother
5.3	Nguyễn Văn Đức					0,000	0,00%	Bố vợ

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Father- in-law
5.4	Trần Thu Ân					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law
5.5	Nguyễn Trần Phương Mỹ					0,000	0,00%	Vợ
5.6	Lê Nguyễn Phương Linh					0,000	0,00%	Con gái Daught er
5.7	Lê Thanh Tùng					0,000	0,00%	Con trai Son
5.8	Lê Tiến Dũng					0,000	0,00%	Anh trai Brother
5.9	Phạm Thị Oanh					0,000	0,00%	Chị dâu Sister- in-law
5.10	Lê Hồng Phong					0,000	0,00%	Anh trai

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Brother
5.11	Nguyễn Thị Thanh					0,000	0,00%	Chị dâu Sister- in-law
5.12	Lê Thị Bích Ngọc					0,000	0,00%	Chị gái Sister
5.13	Đoàn Văn Hồng					0,000	0,00%	Anh rể Brother -in-law
5.14	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo Makara Makara Innovation Investment Fund Management Joint Stock Company					0,000	0,00%	Tổng Giám đốc General Directo r
5.15	Công ty CP Newtechco Group Newtechco Group			ĐKKD số: 0107442875 cấp ngày : đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại phòng đăng	Tầng 8, Tòa nhà HCO Building, Số 44 Lý Thường Kiệt, 44 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành	0,000	0,00%	Thành viên HĐQT

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
	Joint Stock Company			ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà nội. Enterprise Registration Certificate No.: 0107442875, 10th amendment dated 20 February 2025, issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Hanoi City	phố Hà Nội 8th Floor, HCO Building, No. 44 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City			Member of the Board of Directo rs
6	Nguyễn Văn Trọng		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Member of the Board of Directors, General Director			0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
6.1	Nguyễn Văn Tỵ							Bố đẻ Biologic al father
6.2	Nguyễn Thị Nguyễn					0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biologic al mother
6.3	Thái Thị Hồng Phượng					0,000	0,00%	Vợ Wife
6.4	Nguyễn Thái Tuấn					0,000	0,00%	Con đẻ Son
6.5	Nguyễn Thảo Phương					0,000	0,00%	Con đẻ Daught er
6.6	Nguyễn Thị Kính					0,000	0,00%	Chị gái Sister
6.7	Nguyễn Thị Đại					0,000	0,00%	Em gái Younger

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								sister
6.8	Phùng Văn Trung					0,000	0,00%	Em rể (chồng của bà Đại) Brother -in-law (husban d of Ms. Nguyen Thi Dai)
6.9	Nguyễn Thị Lý					0,000	0,00%	Em gái Younger sister
6.10	Nguyễn Văn Sứ					0,000	0,00%	Em rể (chồng của bà Lý) Brother -in-law (husban

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								d of Ms. Nguyen Thi Ly)
6.11	Nguyễn Văn Thuyết					0,000	0,00%	Em trai Younger brother
6.12	Nguyễn Thu Hằng					0,000	0,00%	Em dâu (vợ của ông Thuyết)
6.13	Bùi Thị An					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law
6.14	Thái Minh Hải					0,000	0,00%	Bố vợ Father- in-law
7	Thái Nguyễn Hoàng Nhã		Thành viên độc lập HĐQT Independen			0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			<i>Member of the Board of Directors</i>					
7.1	Nguyễn Phương Thào					0,000	0,00%	Vợ Wife
7.2	Thái Bảo Ngọc					0,000	0,00%	Con Daughter
7.3	Thái Bảo Long					0,000	0,00%	Con Daughter
7.4	Thái Văn Độ					0,000	0,00%	Bố đẻ Biological father
7.5	Nguyễn Thị Liên					0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biological mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
7.6	Nguyễn Văn Cảnh					0,000	0,00%	Bố Vợ Father- in-law
7.7	Dương Mỹ Linh					0,000	0,00%	Mẹ Vợ Mother -in-law
8	Nguyễn Kim Phượng		Trưởng Ban kiểm soát Head of the Board of Supervisors			1.935	0,00024%	
8.1	Nguyễn Văn Tám					0,000	0,00%	Cha Father
8.2	Nguyễn Kim Em					0,000	0,00%	Mẹ Mother
8.3	Nguyễn Thanh Tùng					0,000	0,00%	Em trai Younger brother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
8.4	Nguyễn Thanh Sơn					0,000	0,00%	Em trai Younger brother
8.5	Nguyễn Thị Kim Xoàn					0,000	0,00%	Em gái Younger sister
8.6	Nguyễn Thanh Long					0,000	0,00%	Em trai Younger brother
8.7	Nguyễn Thị Nga					0,000	0,00%	Em dâu Sister- in-law
8.8	Nguyễn Thị Kim Loan					0,000	0,00%	Em dâu Sister- in-law
8.9	Phan Văn Cường					0,000	0,00%	Em rể Brother -in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
9	Nguyễn Văn Thành		Thành viên BKS Member of the Board of Supervisors			0,000	0,00%	
9.1	Nguyễn Văn Chín					0,000	0,00%	Bố ruột Biologic al father
9.2	Nguyễn Thị Mỹ					0,000	0,00%	Mẹ ruột Biologic al mother
9.3	Nguyễn Thị Ngọc Đô					0,000	0,00%	Em gái ruột Younger sister
9.4	Nguyễn Thế Lộc					0,000	0,00%	Em rể (chồng bà Ngọc

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Đồ) Brother -in-law (husban d of Ms. Nguyen Thi Ngoc Do)
9.5	Nguyễn Văn Huy					0,000	0,00%	Em trai ruột Younger brother
10	Trần Ngọc Hải		Thành viên BKS kể từ 26/4/2024 Member of the Board of Supervisors nguyên			0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			(effective from 26 April 2024)					
10.1	Trần Ngọc Kiên					0,000	0,00%	Bố ruột Biologic al father
10.2	Cao Thị Minh					0,000	0,00%	Mẹ ruột Biologic al mother
10.3	Trần Thị Kim Yến					0,000	0,00%	Chị ruột Sister
10.4	Nguyễn Văn Thêm					0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Yến) Brother -in-law (husban d of Ms.

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Tran Thi Kim Yen)
10.5	Trần Ngọc Dũng					0,000	0,00%	Anh ruột Brother
10.6	Trần Ngọc Tuấn					0,000	0,00%	Anh ruột Brother
10.7	Lê Thị Hồng Hạnh					0,000	0,00%	Chị dâu (Vợ của ông Tuấn) Sister- in-law (wife of Mr. Tran Ngoc Tuan)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
10.8	Trần Thị Kim Loan					0,000	0,00%	Chị ruột Sister
10.9	Phạm Tấn Tước					0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Loan) Brother -in-law (husban d of Ms. Tran Thi Kim Loan)
10.10	Trần Thị Kim Phượng (Miami Mari)					0,000	0,00%	Chị ruột (định cư Nhật Bản) Sister (residen t in Japan)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
10.11	Minami Toru					0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Phượng) Brother -in-law (husban d of Ms. Tran Thi Kim Phuong)
10.12	Trần Thị Kim Liên					0,000	0,00%	Chị ruột (định cư Canada) Sister (residen t in Canada)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
10.13	Nguyễn Đăng Ngân					0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Liên) Brother -in-law (husban d of Ms. Tran Thi Kim Lien)
10.14	Trần Thị Kim Thanh					0,000	0,00%	Chị ruột Sister
10.15	Nguyễn Công Khoáng					0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Thanh) No. 865, Provinc ial Road 7, Lot 6,

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								An Nhon Tay Commu ne, Cu Chi District, Ho Chi Minh City
11	Bùi Xuân Dũng		Phó Tổng giám đốc Deputy General Director			0,000	0,00%	
11.1	Vũ Khánh Ly					0,000	0,00%	Vợ Wife
11.2	Bùi Xuân Tám					0,000	0,00%	Bố đẻ Biologic al father

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
11.3	Ngô Nguyệt Nga					0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biologic al mother
11.4	Vũ Đình Tiến					0,000	0,00%	Bố vợ Father- in-law
11.5	Hoàng Thị Chính					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law
11.6	Bùi Thục Anh					0,000	0,00%	Chị gái Sister
11.7	Bùi Thị Tuyết Minh					0,000	0,00%	Chị gái Sister
11.8	Bùi Xuân Toàn					0,000	0,00%	Em trai Younger brother
11.9	Mai Nam Thắng					0,000	0,00%	Anh rể

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Brother -in-law
11.10	Nguyễn Hải Đăng					0,000	0,00%	Anh rể Brother -in-law
11.11	Bùi Yến Chi					0,000	0,00%	Con gái Daught er
11.12	Bùi Yến Trang					0,000	0,00%	Con gái Daught er
11.13	Bùi Yến Bảo Trân					0,000	0,00%	Con gái Daught er
12	Nguyễn Thành Công		Kế toán trưởng, GD Khối Tài chính (bổ nhiệm từ			0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			11/06/2026) Chief Accountant and Director of the Accounting and Finance Department (appointed on 11 June 2026).					
12.1	Nguyễn Thiện Đức					0,000	0,00%	Bố Father
12.2	Lưu Thị Trang					0,000	0,00%	Mẹ Mother
12.3	Nguyễn Thị Thanh Vân					0,000	0,00%	Vợ Wife
12.4	Nguyễn Hải Phong					0,000	0,00%	Con

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) / Shareholdi ng Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Son
12.5	Nguyễn Quỳnh Chi					0,000	0,00%	Con Daughte r
12.6	Nguyễn Thị Phương Nhưng					0,000	0,00%	Em gái Younger sister
12.7	Nguyễn Thế Vĩnh					0,000	0,00%	Em rể Brother -in-law
12.8	Nguyễn Viết Căn					0,000	0,00%	Bố vợ Father- in-law
12.9	Nguyễn Thanh Lan					0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law